

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SYT-NVY
V/v báo cáo kết quả triển khai
các chương trình, hoạt động duy trì
Chương trình mục tiêu Y tế - Dân
số năm 2023 và xây dựng Kế hoạch
thực hiện năm 2024

Bình Định, ngày tháng năm 2024

Kính gửi:

- Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình;
- Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm;
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh;
- Bệnh viện Lao và Bệnh phổi;
- Bệnh viện Tâm thần;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

Thực hiện Chỉ đạo của Lãnh đạo Sở Y tế về triển khai các chương trình, hoạt động duy trì Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2024. Để đảm bảo thời gian, tiến độ và chất lượng Kế hoạch triển khai các Hoạt động trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh, đề nghị Thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả triển khai các chương trình, hoạt động duy trì Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2023 do đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện. Trong đó, tập trung vào kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, tỷ lệ giải ngân và các khó khăn trong quá trình thực hiện.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu Sở Y tế xây dựng thảo Kế hoạch triển khai các Hoạt động duy trì Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số bằng nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh (*Bảng tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyên môn nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 gửi kèm theo*).

Báo cáo và dự thảo Kế hoạch nói trên đề nghị gửi về Sở Y tế trước ngày **12/01/2024** để tổng hợp xem xét, ban hành.

Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng KHTC;
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Hùng

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
CHUYÊN MÔN BẰNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

Stt	Nội dung	DỰ TOÁN 2024			
		Kinh phí được phê duyệt tại QĐ 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023	10% tiết kiệm	KP sau tiết kiệm 10%	Ghi chú
	Dự toán được giao theo QĐ 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	11.128.000.000			
	Tiết kiệm 10% kinh phí không tự chủ để tạo nguồn CCTL	1.113.000.000			
	Dự toán còn lại giao cho đơn vị được sử dụng	10.015.000.000			
-	<u>Tổng cộng</u>	<u>11.128.000.000</u>	<u>1.113.000.000</u>	<u>10.015.000.000</u>	
I	Sở Y tế				
II	Chi cục Dân số - KHHGD	3.052.222.000	305.222.000	2.747.000.000	
1	Hoạt động kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh				
2	Hoạt động Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng				
3	Hoạt động Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình				
4	Các hoạt động Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh				
5	Các hoạt động Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi				
6	Các hoạt động Chương trình truyền thông dân số				
7	Các hoạt động Đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số				

8	Các hoạt động Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số				
9	Các hoạt động kiểm tra, giám sát chuyên môn				
III	Chi cục ATVSTP	1.080.000.000	108.000.000	972.000.000	
1	Hoạt động phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm				
2	Hoạt động truyền thông về an toàn thực phẩm				
3	Hoạt động theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện hoạt động an toàn thực phẩm				
4	Hoạt động tăng cường năng lực kiểm nghiệm thực phẩm tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh				
IV	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	178.000.000	18.000.000	160.000.000	
1	Hoạt động phòng chống bệnh phong	138.000.000	14.000.000	124.000.000	
2	Hoạt động đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học	40.000.000	4.000.000	36.000.000	
V	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	160.150.000	16.015.000	144.135.000	
1	Hoạt động phòng, chống bệnh lao	148.000.000	14.800.000	133.200.000	
2	Hoạt động phòng, chống Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản	12.150.000	1.215.000	10.935.000	
3	Hoạt động truyền thông phòng, chống bệnh Lao và Bệnh phổi				
VI	Bệnh viện Tâm thần	257.000.000	25.700.000	231.300.000	
1	Hoạt động Bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng	257.000.000			
VII	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	6.400.628.000	640.063.000	5.760.565.000	
1	Hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét	421.322.000	42.132.000	379.190.000	

2	Hoạt động Phòng, chống sốt xuất huyết	2.161.259.000	216.126.000	1.945.133.000	
3	Hoạt động phòng chống bệnh tăng huyết áp và đái tháo đường	34.000.000	3.400.000	30.600.000	
4	Hoạt động Y tế trường học	56.000.000	5.600.000	50.400.000	
5	Hoạt động Tiêm chủng mở rộng	1.201.982.000	120.198.000	1.081.784.000	
6	Hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản	328.493.000	32.849.000	295.644.000	
7	Hoạt động dinh dưỡng	238.000.000	23.800.000	214.200.000	
8	Hoạt động Phòng chống HIV/AIDS	701.074.000	70.108.000	630.966.000	
9	Hoạt động phòng chống bệnh ung thư	645.500.000	64.550.000	580.950.000	
10	Hoạt động phòng chống các rối loạn thiếu iốt	87.000.000	8.700.000	78.300.000	
11	Hoạt động Truyền thông y tế	525.998.000	52.600.000	473.398.000	